

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRĂK
TỈNH ĐẮK LĂK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 17/2017/DS-ST
Ngày 25 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRĂK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Y Chen MLô.

Ông Nguyễn Võ.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng, thư ký tòa án nhân dân huyện M'Đrăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk tham gia phiên tòa: ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Võ Đức M sinh năm sinh năm 1956. Địa chỉ: thôn X, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. *Bị đơn:* vợ chồng ông Trần Văn T sinh năm 1970, bà Trần Thị H sinh năm 1974. Nơi cư trú: thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Điều vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Cao Văn B sinh năm 1965. Địa chỉ: khối 10, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 18/7/2017, các bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Đức M trình bày:

Ngày 23/7/2014, vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trần Thị H vay của ông Võ Đức M 70.000.000đồng để chăn nuôi, làm kinh tế gia đình. Vợ chồng ông T bà H viết giấy vay tiền hẹn đến ngày 23/10/2014 sẽ trả lại tiền vay cho ông M. Vợ chồng ông T giao cho ông M các loại giấy tờ để làm tin bao gồm: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 376794 ngày 04/12/1998 của Ủy ban nhân dân huyện M'Đrăk cấp cho hộ ông Cao Văn B; Giấy ủy quyền của ông Cao Văn B ngày 23/7/2014; Chứng minh nhân dân Trần Văn T, Trần Thị H, sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Trần Văn T, Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ (tất cả đều là bản gốc) và bản sao Sơ đồ hợp pháp hóa đất thổ cư thửa 55 tờ bản đồ số 09, Quyết định giao đất của UBND huyện M'Đrăk, Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu số 45 của Phòng cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Đến tháng 3/2017, vợ chồng ông T đã trả cho ông M 30.000.000đồng (chuyển khoản qua ngân hàng DONGABANK). Ông M yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T bà H phải trả cho ông M 40.000.000đồng tiền vay và 4.800.000đồng tiền lãi phát sinh từ ngày 23/10/2014 đến nay.

* Đối với các bị đơn: ông Trần Văn T và bà Trần Thị H đã bỏ đi khỏi địa phương. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng ông T bà H không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại nhưng ông T, bà H không cung cấp địa chỉ mới. Ngày 12/8/2017, ông Trần Văn T gửi cho Tòa án qua đường bưu điện văn bản thể hiện ý kiến "Kính gửi: em H1 cán bộ Tòa án M'Đrăk. Ông Võ Đức M anh trả được 30.000.000 (ba mươi triệu rồi). Anh còn nợ ông M là 40.000.000 bốn mươi triệu nữa. Em giúp anh khoảng cuối năm anh gửi trả ông ấy" kèm theo bản photo giấy nộp tiền kiêm bảng kê ngày 20/3/2017 của Ngân hàng Đông Á.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn B bỏ đi khỏi địa phương, không xác định được địa chỉ cư trú hiện tại.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Ông Võ Đức M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trần Thị H phải trả cho ông M 40.000.000đồng tiền vay và 4.800.000đồng tiền lãi phát sinh theo giấy vay tiền ký kết ngày 23/7/2014. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Bị đơn là vợ chồng ông T bà H có nơi cư trú tại thôn 10, xã E, huyện M. Căn cứ vào điểm a Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk.

Trong đơn khởi kiện người khởi kiện (ông M) đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trần Thị H. Khi bị đơn bỏ đi khỏi địa phương (nhà, đất của vợ chồng ông T vẫn còn ở thôn 10, xã E), bị đơn không thông báo cho người khởi kiện biết về địa chỉ mới của bị đơn. Do đó, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho người thân thích của vợ chồng ông T là bà Hoàng Thị T1 (mẹ của ông T) nhưng bà T1 từ chối nhận văn bản tố tụng. Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo nhiều lần qua các số điện thoại 0969.998.976; 0164.701.1111; 0983.671.515 cho vợ chồng ông T, nhưng vợ chồng ông T không tham gia tố tụng và cung cấp địa chỉ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn B đã bỏ đi khỏi địa phương, không xác định được địa chỉ cư trú hiện tại Ông Cao Văn B, nên không có căn cứ để xem xét quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của ông B trong vụ án. Vụ án được đưa ra xét xử lần thứ hai nhưng vợ ông T vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 BLTTDS, và căn cứ hướng dẫn quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông Trần Văn T, ông Cao Văn B theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015 quy định: Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của BLDS2005 để giải quyết.

Theo các chứng cứ, tài liệu và lời trình bày của nguyên đơn thì ngày 23/7/2014 nguyên đơn cho bị đơn vay 70.000.000đồng. Qua thông tin liên lạc với bị đơn bằng điện thoại và ông T viết giấy gửi cho Tòa án qua đường Buu chính (nơi gửi được thể hiện đóng dấu Buu điện Đà Lạt ngày 12/8/2017) thể hiện ngày 20/3/2017 bị đơn đã trả cho nguyên đơn 30.000.000đồng (ông T chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng DONGABANHK, ông M đã nhận được tiền), ông T thừa nhận còn nợ nguyên đơn 40.000.000đồng. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 40.000.000đồng là có căn cứ. Theo giấy vay tiền ngày 23/7/2014, bị đơn thỏa thuận đến ngày 23/10/2014 trả nợ cho nguyên đơn, các bên không thỏa thuận lãi suất. Hết thời hạn vay, bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 1 Điều 474 BLDS năm 2005.

[2.2] Về tiền lãi: nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 4.800.000đồng tính từ tháng 10/2014 đến nay. Tuy giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất, nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi kể từ ngày 24/10/2014 (ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ). Xét số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là thấp (dưới 9%/năm) so với lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố 9%/năm tại thời điểm hiện nay. Tại khoản 4 Điều 474 BLDS năm 2005 quy định: “Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thỏa thuận.”

Từ nhận định trên, HĐXX cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức M buộc vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trần Thị H phải trả cho ông M 40.000.000đồng tiền gốc và 4.800.000đồng tiền lãi.

Các giấy tờ vợ chồng ông T, bà H giao cho ông M để làm tin, không có giá trị thế chấp. Ông M phải có trách nhiệm trả lại về các giấy tờ (bản gốc) như ông M trình bày cho vợ chồng ông T.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn (vợ chồng ông T) phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.240.000đồng (= 44.800.000đồng x 5%). Tuy nhiên, ông Trần Văn T là con của liệt sĩ Trần Văn Thoảng. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, các khoản 2, 9 Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nên, ông T được miễn tiền án phí Dân sự sơ thẩm, bà H phải chịu 1.120.000đồng (= 2.240.000đồng : 2).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 266, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 474 Bộ Luật Dân sự 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12, các khoản 2, 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đức M:

- Buộc vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trần Thị H phải trả cho ông Võ Đức M 44.800.000đồng (Bốn mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng) theo giấy vay tiền ngày 23/7/2014, bao gồm 40.000.000đồng tiền gốc và 4.800.000đồng tiền lãi .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ông Võ Đức M phải trả lại các loại giấy tờ bản gốc cho vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trần Thị H: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 376794 ngày 04/12/1998 của Ủy ban nhân dân huyện M'Đrăk cấp cho hộ ông Cao Văn B; Giấy ủy quyền của ông Cao Văn B ngày 23/7/2014; Chứng minh nhân dân của Trần Văn T, Trần Thị H; Sổ hộ khẩu gia đình (chủ hộ Trần Văn T); Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ (Liệt sỹ Trần Văn T2).

2. Về án phí:

- Miễn tiền án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn T.

- Bà Trần Thị H phải chịu 1.120.000đồng (Một triệu một trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Võ Đức M 1.120.000đồng tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số AA/2016/0004468 ngày 18/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk.

3. Thông báo quyền kháng cáo.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương